

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA

THÔNG TIN DỮ LIỆU KINH TẾ - TÀI CHÍNH Tuần 53 (30/12-03/01/2025)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH TRONG TUẦN

Kinh tế - tài chính thế giới

- Mỹ: Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm 9 nghìn đơn so với tuần trước xuống còn 211 nghìn đơn trong tuần cuối cùng của năm 2024; Chỉ số PMI sản xuất ISM tăng 0,9 điểm so với tháng trước lên 49,3 điểm trong tháng 12/2024.
- Trung Quốc: Chỉ số PMI phi sản xuất tăng trong khi PMI sản xuất giảm.
- Giá hàng hóa: Giá vàng thế giới giảm; Giá dầu trên thị trường quốc tế tăng nhẹ.
- PBoC: khả năng giảm lãi suất từ mức 1,5%.

Kinh tế - tài chính Việt Nam

- Nền kinh tế phục hồi tích cực với mức tăng GDP ước đạt 7,09%.
- Chính phủ: Việt Nam đủ 5 điều kiện để xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế.
- BTC: Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 01/01/2025.
- Tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở các phiên trong tuần.
- Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được 332.375 tỷ đồng qua hình thức đấu thầu. Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã bán ròng trên 3 sàn hơn 94.099 tỷ VND cổ phiếu. Lãi suất trúng thầu tăng nhẹ so với đầu năm 2024 ở kỳ hạn 10 năm (+0,62 điểm).

A. DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

I. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Bảng 1. Thị trường liên ngân hàng

Kỳ hạn	LS bình quân (%/năm)	%+/-1W	%+/-M	%+/-Y
Qua đêm	4,03	0,31	8,01	-2,17
1 Tuần	4,37	-2,67	11,76	-10,87
2 Tuần	4,5	-3,11	12,58	-12,06
1 Tháng	4,41	1,02	11,4	-8,52
3 Tháng	5,66	-0,47	12,01	-10,38
6 Tháng	5,91	4,45	10,07	-6,47
9 Tháng	5,92	-18,02	32,17	-44,36

Ghi chú: Ngày áp dụng 02/01/2025

Bảng 2. Thị trường mở

Ngày giao dịch	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng gọi thầu (tỷ đồng)	Số thành viên tham gia/trúng thầu	Khối lượng trúng thầu (Tỷ đồng)	Lãi suất trúng thầu (%/năm)
30/12/2024	7		5/5	5.000	4
	7		6/6	8.390	4
	14		3/3	1.600	4
31/12/2024	7		3/3	1.989,01	4
	7		2/2	5.000	4
01/01/2025	0		0	0	0
	7		1/1	997,2	4
	7		7/7	12.250	4
02/01/2025	14		5/5	6.600	4
	7		3/3	1.000	4
	7		4/4	7.300	4
03/01/2025	14		5/5	5.000	4

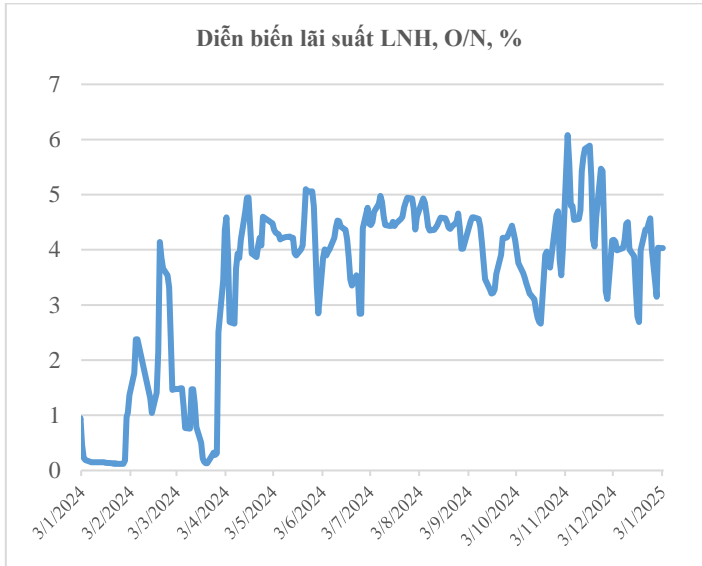
Bảng 3: Trái phiếu chính phủ

Phát hành TPCP		Lũy kế năm 2024		Tuần 53 (30/12/2024-03/01/2025)			
Tỷ lệ đăng ký (lần)		1,22		0,55			
Tỷ lệ trúng thầu (%)		58%		28%			
Chi tiết gọi thầu		Giá trị (tỷ VND)		Giá trị (tỷ VND)			
1	3 Năm						
2	5 Năm	86.250		1.500			
3	7 Năm	6.000		-			
4	10 Năm	292.250		3.500			
5	15 Năm	141.000		1.000			
6	20 Năm	14.500		-			
7	30 Năm	30.900		1.000			
Tổng		570.900		7.000			
Chi tiết đặt thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)		
1	3 Năm						
2	5 Năm	100.381	1,3	100	2,4		
3	7 Năm	3.245	2	-	-		
4	10 Năm	407.632	2,08	3.300	2,77		
5	15 Năm	152.601	2,28	500	3,2		
6	20 Năm	11.456	2,6	-	-		
7	30 Năm	24.445	2,8	-	-		
Tổng		699.760		3.900			
Chi tiết trúng thầu		Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất BQ (%)	Giá trị (tỷ VND)	Lãi suất (%)	So với tuần trước	So với đầu năm 2024
1	3 Năm						
2	5 Năm	48.770	1,37	-	-	-	-
3	7 Năm	795	2,02	-	-	-	-
4	10 Năm	199.610	2,15	2.000	2,77	-	+0,62
5	15 Năm	65.859	2,35	-	-	-	-
6	20 Năm	6.030	2,65	-	-	-	-
7	30 Năm	11.311	2,85	-	-	-	-
Tổng		332.375		2.000			

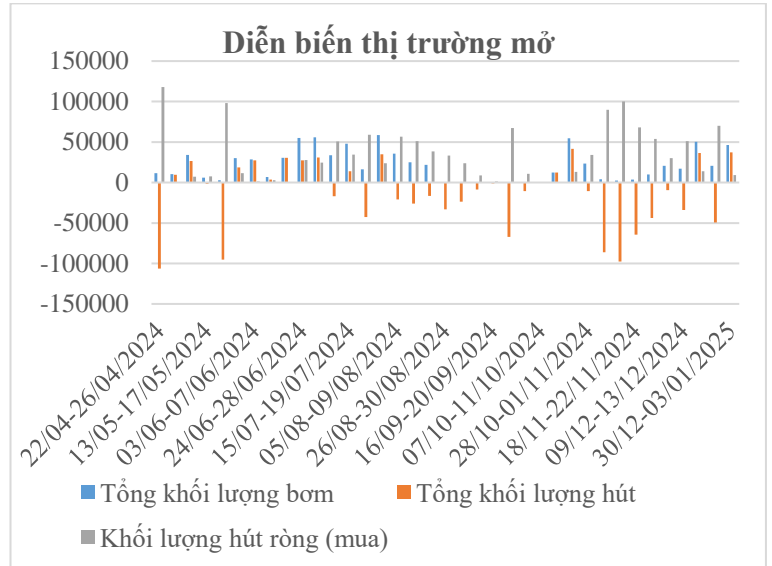
Nguồn: HNX, LS (min)

II. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ (Đồ thị)

2.1. Thị trường tiền tệ

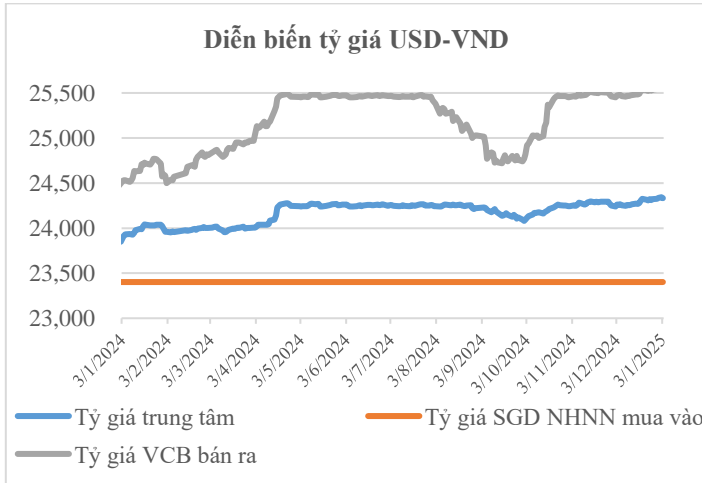


Nguồn: NHNN

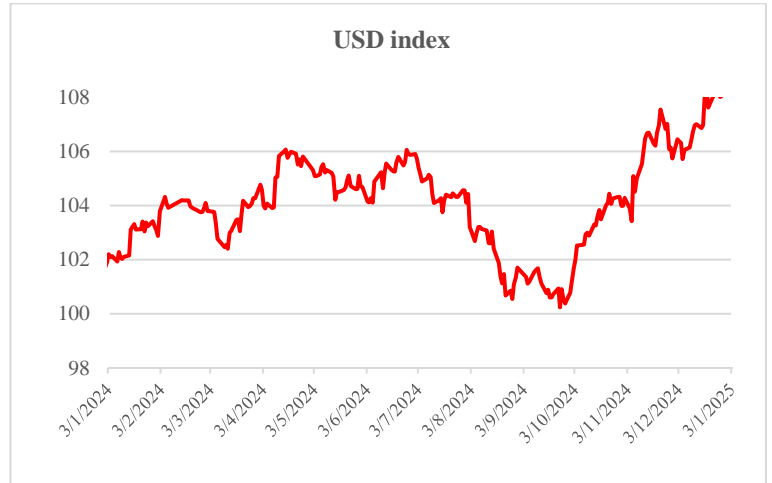


Nguồn: NHNN

2.2. Thị trường ngoại hối

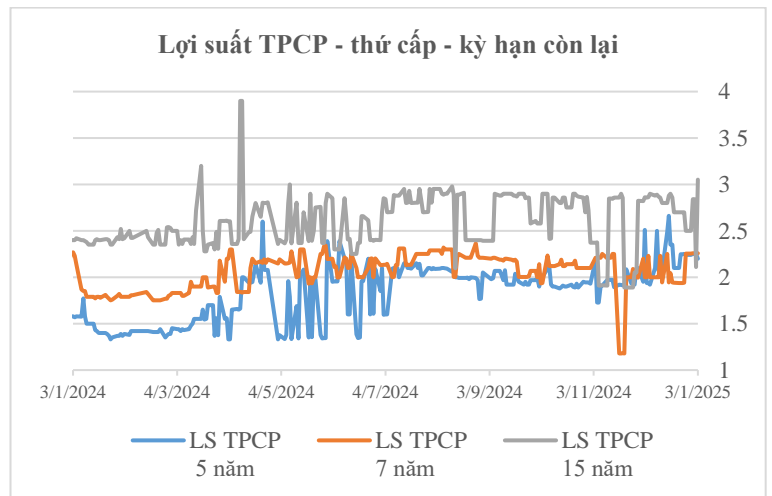
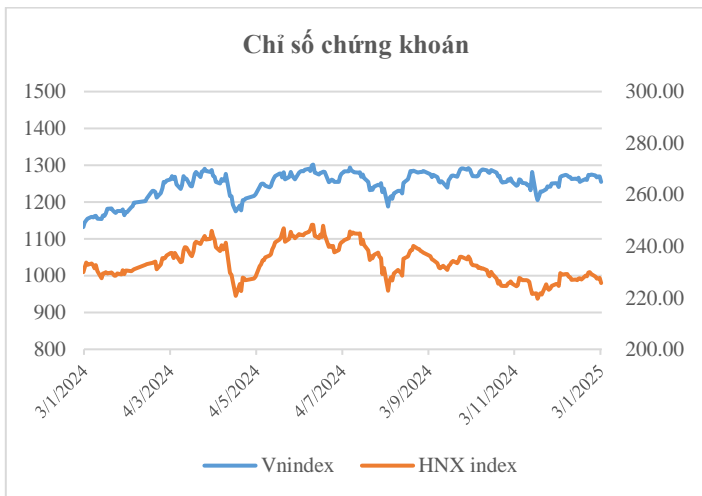


Nguồn: NHNN



Nguồn: Trading economics

2.3. Thị trường vốn



Nguồn: HNX, HSX, TTTT tổng hợp

III. DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH QUỐC TẾ TUẦN 53 (30/12-03/01/2025)

3.1. Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	4.50%	4.75%	19/09/2024	29/01/2025
ECB	EURO Zone	3.00%	3.25%	17/10/2024	05/02/2025
BOJ	Nhật Bản	0.25%	0.00%	31/07/2024	24/01/2025
PBoC	Tr/Quốc	3.10%	3.35%	22/07/2024	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	18/02/2025
BoE	Anh	4.75%	5.00%	01/08/2024	06/02/2025
BOK	Hàn Quốc	3.00%	3.25%	11/10/2024	16/01/2025
BI	Indonesia	6.00%	6.25%	18/09/2024	NA
BNM	Malaysia	3.00%	2.75%	03/05/2023	22/01/2025
BOT	Thái Lan	2.25%	2.50%	16/10/2024	26/02/2025
CBR	Nga	21.00%	19.00%	13/09/2024	NA

3.2. Tỷ giá USD

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo W	+/_% theo M	+/_% YoY
EURUSD	1.03123	-0.91%	-2.29%	-5.82%
GBPUSD	1.24354	-0.91%	-2.47%	-2.44%
AUDUSD	0.62273	-0.42%	-4.35%	-10.07%
USDJPY	157.743	0.56%	4.33%	9.36%
USDCNY	7.35304	0.52%	1.18%	2.68%
USDCAD	1.44003	0.32%	1.62%	7.92%
USDRUB	109.7180	-0.70%	10.93%	20.71%
USDKRW	1469.35	-0.17%	2.74%	12.02%
DXY	108.887	0.71%	2.76%	6.28%
USDTHB	34.5150	0.98%	1.34%	-1.19%
USDSGD	1.36958	0.70%	2.17%	3.16%

3.3. Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% W	+/_% M	+/_% YoY
United States	4.6250	0.08%	0.42%	0.62%
United Kingdom	4.5970	-0.02%	0.32%	0.82%
Japan	1.1120	0.02%	0.07%	0.50%
Australia	4.5100	0.02%	0.29%	0.34%
Germany	2.4245	0.04%	0.37%	0.32%
China	1.6040	-0.10%	-0.33%	-0.95%
Singapore	2.9680	0.06%	0.30%	0.13%
South Korea	2.8200	-0.03%	0.12%	-0.52%
Taiwan	1.6570	0.01%	0.14%	0.49%
Thailand	2.3230	0.05%	0.03%	-0.47%
Vietnam	3.0630	-0.05%	0.16%	0.68%
Hong Kong	3.7660	-0.01%	0.54%	0.23%
Indonesia	7.1520	0.13%	0.25%	0.53%
Malaysia	3.8450	0.02%	0.00%	-0.04%
Philippines	6.2260	0.05%	0.26%	0.13%

3.4. Chỉ số chứng khoán một số nước

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 W	+/_% 1 M	+/_% YTD	+/_% 1 Y	+/_% 3 Y
Dow Jones	+0.37%	-4.28%	+0.44%	+14.06%	+17.94%
S&P 500	+0.60%	-2.43%	+1.03%	+26.51%	+27.06%
Nasdaq	+0.69%	-1.20%	+1.61%	+35.10%	+31.37%
DAX	-0.02%	-2.35%	-0.02%	+19.96%	+24.82%
FTSE 100	+1.27%	-1.02%	+0.62%	+6.95%	+9.87%
CAC 40	-0.43%	-1.95%	-1.33%	-1.87%	+0.87%
Euro Stoxx 50	+0.04%	-2.14%	+0.04%	+9.14%	+13.14%
Nikkei 225	-1.46%	+0.57%	-1.46%	+17.78%	+38.04%
Shanghai	-5.54%	-5.45%	-3.98%	+9.88%	-10.09%
Hang Seng	-1.38%	-0.51%	-1.48%	+19.53%	-15.87%
SET	-1.10%	-4.63%	-1.10%	-3.03%	-16.46%
KOSPI	+3.38%	+2.16%	+3.38%	-3.78%	-16.05%
IDX Com	+1.14%	-3.01%	+1.14%	-2.58%	+6.85%
PSEi	+2.01%	-1.03%	+2.01%	+0.45%	-5.01%

3.5. Thị trường hàng hóa

1. Năng lượng	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Crude Oil USD/Bbl	73.988	4.25%	8.24%	4.20%
Natural gas USD/MMBtu	3.5157	-10.68%	10.49%	35.32%
Gasoline USD/Gal	2.0516	3.73%	7.49%	-0.15%
2. Kim loại quý				
Gold USD/t.oz	2643.94	1.44%	-0.62%	30.39%
Silver USD/t.oz	29.688	2.58%	-6.96%	28.58%
Lithium CNY/T	74900	-0.86%	-4.10%	-22.38%
Platinum SD/t.oz	930.90	3.19%	-1.32%	-1.55%

3. Khoáng sản	Giá	+/_% W	+/_% M	+/_% Y
Copper USD/Lbs	4.0459	0.01%	-4.21%	6.48%
Steel CNY/T	3254.00	-0.46%	-2.43%	-16.80%
Iron Ore USD/T	768.50	0.92%	-5.36%	-24.36%
Aluminum USD/T	2496.00	-2.50%	-5.60%	9.43%
Tin USD/T	29108	1.03%	0.25%	17.21%
Zinc USD/T	2894.00	-4.83%	-6.34%	14.03%
Nikel USD/T	15240	-0.42%	-4.82%	-5.17%
Coal USD/T	123.50	-1.20%	-7.84%	-5.65%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing

B. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH

B1. KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. KINH TẾ - THƯƠNG MẠI - ĐẦU TƯ

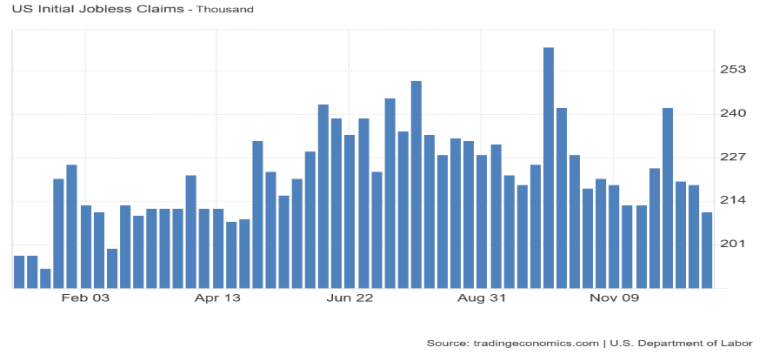
Tăng trưởng kinh tế toàn cầu

Mỹ:

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp đã giảm 9 nghìn đơn so với tuần trước xuống còn 211 nghìn đơn trong tuần cuối cùng của năm 2024, trái ngược với mức dự kiến tăng lên 222 nghìn đơn, đánh dấu mức thấp nhất trong số các đơn xin trợ cấp ban đầu trong tám tháng.

Chỉ số PMI sản xuất ISM tăng 0,9 điểm so với tháng trước lên 49,3 điểm trong tháng 12/2024, vượt kì vọng của thị trường là 48,4 điểm.

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tiếp tục giảm



Nguồn: BLS/Tradingeconomics

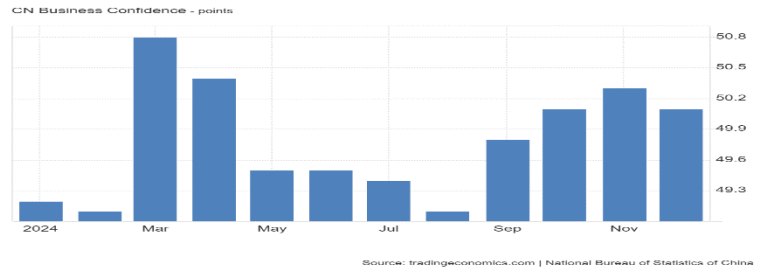
Trung Quốc:

Chỉ số PMI phi sản xuất tăng trong khi PMI sản xuất giảm

Chỉ số PMI phi sản xuất đã tăng lên 52,2 trong tháng 12/2024 từ mức 50 ở tháng trước, chỉ ra con số cao nhất kể từ tháng 3

Trong khi đó, PMI sản xuất đã bất ngờ giảm xuống 50,1 điểm trong tháng 12/2024 từ mức cao nhất trong bảy tháng và thấp hơn dự báo là 50,3 điểm.

PMI sản xuất bất ngờ giảm



Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Giá hàng hóa thế giới tuần qua

Giá vàng thế giới xóa bỏ mức tăng trước đó, có dấu hiệu giảm

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng vàng giao ngay giao dịch ở mức dưới 2.640 USD/oz, cắt giảm mức tăng trong tuần khi thị trường chú ý đến kỳ vọng điều hâu từ Fed.

Giá dầu thị trường quốc tế

Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, hợp đồng dầu tương lai Brent tăng nhẹ 2,77% lên 76,67 USD/thùng. Hợp đồng dầu tương lai WTI tăng 3.66% lên 74,27 USD/thùng.

Nguồn: OPEC/Kitco

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

NHTW các nước

PBoC: khả năng giảm lãi suất từ mức 1,5%

Theo báo cáo của Reuters, PBoC có khả năng giảm lãi suất từ mức 1,5% ở hiện tại.

Vào tháng 12, Bộ Chính Trị Trung Quốc chuyển đổi lập trường chính sách tiền tệ của nước này từ "thận trọng" sang "thả lỏng phù hợp" đây là lần chuyển đổi đầu tiên như vậy trong 14 năm, nhằm mục đích thúc đẩy nền kinh tế tri thức.

Trong khi đó, Wang Xin - một quan chức PBoC, cho rằng các nhà chính sách có thể tiếp tục hạ chi phí đi vay và tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng thương mại vào năm 2025. Ngân hàng trung ương cũng nhấn mạnh rằng chương trình cải cách lãi suất của mình sẽ ưu tiên "điều chỉnh lãi suất" hơn là "mục tiêu định lượng" đối với tăng trưởng cho vay.

Sự thay đổi này nhấn mạnh cam kết rộng rãi hơn trong việc phát triển khuôn khổ lãi suất theo định hướng thị trường hơn, vì các nhà hoạch định chính sách đặt mục tiêu cải tổ cơ cấu chính sách tiền tệ để phù hợp hơn với các tiêu chuẩn toàn cầu.

Nguồn: Tradingeconomics

B2. KINH TẾ - TÀI CHÍNH TRONG NƯỚC

I. KINH TẾ VĨ MÔ

Nền kinh tế phục hồi tích cực với mức tăng GDP ước đạt 7,09%

- GDP cả năm 2024 ước tính tăng 7,09%, chỉ thấp hơn so với các năm 2018, 2019 và 2022. Các khu vực chính trong nền kinh tế đều có mức tăng trưởng mạnh mẽ: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, và dịch vụ tăng 7,38%. Mặc dù khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chịu ảnh hưởng từ thiên tai, nhưng vẫn có mức tăng trưởng tích cực.

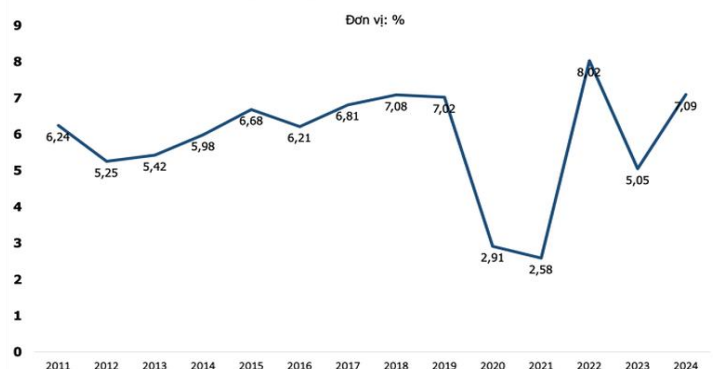
- Trong ngành công nghiệp, giá trị gia tăng năm 2024 tăng 8,32%, chỉ thấp hơn mức tăng 8,52% của năm 2022, đóng góp 2,70 điểm phần trăm vào tăng trưởng GDP.

- Cơ cấu nền kinh tế năm 2024 có sự thay đổi nhẹ so với năm 2023: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 11,86%, công nghiệp và xây dựng chiếm 37,64%, dịch vụ chiếm 42,36%, và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,14%.

- Về sử dụng GDP, tiêu dùng cuối cùng tăng 6,57%, tích lũy tài sản tăng 7,20%, xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 15,45%, và nhập khẩu tăng 16,10%. Quy mô GDP năm 2024 ước đạt 476,3 tỷ USD, với GDP bình quân đầu người đạt 4.700 USD, tăng 377 USD so với năm 2023.

- Một điểm tích cực khác là năng suất lao động năm 2024 đạt 9.182 USD/lao động, tăng 726 USD so với năm 2023. Năng suất lao động theo giá so sánh tăng 5,88%, nhờ vào việc nâng cao trình độ lao động, với tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 28,3%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với năm 2023.

Biểu đồ tăng trưởng GDP Việt Nam giai đoạn 2011- nay



Nguồn: Chinhphu.vn

Việt Nam đủ 5 điều kiện để xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế

Thủ tướng khẳng định, Việt Nam đang có đủ 5 yếu tố, điều kiện cần thiết để phát triển thị trường tài chính hiện đại, hướng đến hình thành trung tâm tài chính quốc tế và khu vực.

- Thứ nhất, tổng quy mô GDP năm 2024 khoảng 470 tỷ USD, quy mô nền kinh tế xếp hạng 33-34 thế giới, bình quân GDP đầu người khoảng 4,600-4,700 USD; với tốc độ tăng trưởng kinh tế những năm vừa qua, đồng thời kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP ít nhất 8% trong năm 2025, phấn đấu đạt mức 2 con số trong những năm tới.

- Thứ hai, đột phá chiến lược đang đạt được những thành quả rất tích cực theo hướng thể chế thông thoáng, hạ tầng thông suốt, quản trị thông minh.

Chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 01/01/2025

Giảm 2% đối với các nhóm áp thuế 10%

- Giảm thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 10% xuống 8% đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ, ngoại trừ một số ngành như viễn thông, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản, kim loại, sản phẩm khai khoáng (trừ than), dầu mỏ tinh chế, hoá chất, hàng hóa và dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, và công nghệ thông tin.

- Việc giảm thuế áp dụng cho mọi giai đoạn từ nhập khẩu, sản xuất đến bán hàng, bao gồm cả than khai thác và các công ty thực hiện quy trình khép kín khi bán ra than.

- Thứ ba, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt gần 7.2 triệu tỷ đồng, tăng 21.2% so với cuối năm 2023, tương đương 70.4% GDP ước tính năm 2023, tốc độ tăng trưởng của thị trường chứng khoán đạt 2 con số, cao nhất khu vực.

- Thứ tư, Việt Nam có nền kinh tế hội nhập, độ mở lớn, đã ký kết 17 FTA với trên 65 nền kinh tế hàng đầu thế giới; quy mô xuất nhập khẩu khoảng 800 tỷ USD, gấp khoảng 1.7 lần GDP.

- Thứ năm, chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, cuộc sống thanh bình, có môi trường hòa bình, hợp tác và phát triển.

- Ngoài ra, Việt Nam có vị trí chiến lược, vị trí địa chính trị quan trọng, nằm ở khu vực phát triển năng động, sáng tạo hàng đầu thế giới, có múi giờ khác biệt với 21 trung tâm tài chính lớn nhất toàn cầu.

Nguồn: Chinhphu.vn

Cách tính thuế giá trị gia tăng

- Các cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu trừ thuế sẽ áp dụng mức thuế 8% đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng giảm thuế.

- Các cơ sở kinh doanh (bao gồm hộ và cá nhân kinh doanh) tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu sẽ giảm 20% tỷ lệ tính thuế khi xuất hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ được giảm thuế.

- Cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu trừ khi lập hóa đơn cần ghi rõ thuế suất là 8%.

- Cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp tỷ lệ % trên doanh thu phải ghi rõ số tiền đã giảm thuế (20%).

- Trong trường hợp cơ sở kinh doanh đã lập hóa đơn với mức thuế chưa giảm, sẽ phải điều chỉnh hóa đơn theo quy định và kê khai lại thuế đầu ra và đầu vào.

Nguồn: BTC

II. THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Tuần 53 (30/12-03/01/2025)

- Lãi suất VND liên ngân hàng giảm ở tất cả các kỳ hạn từ 1 tháng trở xuống.

- Tuần từ 30/12/2024 - 03/01/2025, ở kênh cầm cố, NHNN chào thầu kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 9.000 tỷ đồng, lãi suất giữ ở mức 4,0%. Có 8.986,21 tỷ đồng trúng thầu và có 15.000 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua trên kênh cầm cố.

2.2. Thị trường ngoại hối

Tuần 53 (30/12-03/01/2025)

- Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá VND/USD tăng.

- Chỉ số USD Index trong tuần từ 30/12-03/01/2025 biến động tăng ở ba phiên đầu tuần trước khi giảm ở phiên cuối tuần, mức điểm cao nhất trong tuần đạt 109.39 điểm. Chốt lại phiên ngày 03/01 ở mức 108.95 điểm cao hơn 0.95 điểm so với phiên cuối tuần trước và cao hơn 2.59 điểm so với phiên cùng ngày tháng 12.

2.3. Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp TPCP& TP CBLCP:

Tuần 53 (30/12-03/01/2025)

Giá trị đấu thầu ngày cuối tuần thành công là **2.000/ 7.000** tỷ đồng, giá trị trúng tương ứng với tỷ lệ bằng 28%.

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với **tuần** trước: 10 năm-lãi suất 2,77 % (không tăng điểm %);

- Thị trường tiền tệ liên ngân hàng trong tuần từ 30/12-03/01/2025, lãi suất VND liên ngân hàng tăng ở các kỳ hạn qua các phiên. Chốt phiên ngày 02/01, lãi suất VND liên ngân hàng giao dịch quanh mức: qua đêm 4,03% (-0,54 điểm phần trăm); 1 tuần 4,37% (-0,68 điểm phần trăm); 2 tuần 4,50% (-0,56 điểm phần trăm); 1 tháng 4,41% (-0,88 điểm phần trăm) so với phiên 26/12.

- NHNN chào thầu tín phiếu NHNN đấu thầu lãi suất ở 02 kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày. Có 46.140 tỷ đồng trúng thầu ở cả hai kỳ hạn, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 57.110 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

- Thị trường ngoại tệ trong tuần từ 30/12-03/01/2025, tỷ giá trung tâm được NHNN điều chỉnh tăng-giảm ở các phiên trong tuần. Chốt ngày 03/01, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.334 VND/USD, cao hơn 12 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và cao hơn 74 đồng so với phiên cùng ngày tháng 12.

- Sở giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua - bán USD ở mức 23.400 VND/USD, tỷ giá bán giao ngay ở mức 25.450 VND/USD.

- Tỷ giá LNH trong tuần từ 30/12/2024 - 03/01/2025 biến động tăng – giảm đan xen. Kết thúc phiên 03/01/2025, tỷ giá LNH đóng cửa tại 25.405, giảm 50 đồng so với phiên cuối tuần trước đó và không đổi so với phiên cùng ngày tháng 12.

Nguồn: NHNN, TTTT tổng hợp

Thị trường thứ cấp TPCP&TP CBLCP:

Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua bình quân đạt 12.148 tỷ đồng/phiên, giảm 32,74% so với tuần trước, Lợi suất ngày cuối tuần của TPCP và TPCP BL biến động so với tuần trước, ở các kỳ hạn còn lại là:

5 năm	Giảm	0.04	điểm%
7 năm	Giảm	0.006	điểm%
10 năm	Tăng	0	điểm%
15 năm	Tăng	0.55	điểm%

Trong đó kỳ hạn trúng thầu phát sinh với lãi suất tương ứng so với cùng kỳ **tháng** trước: 10 năm-lãi suất 2,77 % (tăng 0,09 điểm %);

Lũy kế từ đầu năm 2024, TPCP và TPCP BL đã huy động được **332.375** tỷ đồng qua hình thức đấu thầu.

Tuần qua NĐT NN bán ròng 72.29 tỷ đồng

Thời gian	Mua/Bán (tỷ VNĐ)
TUẦN 53 (30/12-03/01/2025)	72.29
Tháng 11-2024	157.29
Q3 - 2024	2.451.07
Năm 2022	-8,065
Năm 2021	10,886

Thị trường TPDN:

Trong tuần qua, tổng giá trị phát hành thành công tạm tính đạt 1.000 tỷ VND (nhóm ngân hàng chiếm 100%). Lũy kế từ đầu năm đến 03/01/2024 là 429.993 tỷ VND (có 441 đợt thông báo phát hành).

Tuần qua giao dịch thứ cấp TPDN riêng lẻ đạt 22.592 tỷ VND (Khối lượng 20.399)

Lũy kế từ khi có sản giao dịch đạt giá trị 1.094.719 tỷ VND (KL đạt 2.136.111).

Nguồn: HNX, TTTT tổng hợp

2.4. Thị trường cổ phiếu

Thị trường chứng khoán:

Trong tuần qua các chỉ số **giảm**, thanh khoản các sàn đạt bình quân **12.654** tỷ đồng/phiên.

Giá trị vốn hóa thị trường cổ phiếu¹/GDP² tại ngày 03/01/2024 là 65,03%, tăng 5,52 điểm % so với cuối năm 2023.

Tuần qua, khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 130 tỷ VND cổ phiếu.

Lũy kế từ đầu năm khối ngoại đã **bán** ròng trên 3 sàn hơn 94,099 tỷ VND cổ phiếu.

1. Vốn hóa cả 3 sàn ngày 03/01/2024 : 7,195 triệu tỷ VND;

2. GDP TCTK lũy kế 4 Quý gần nhất: 11,011 triệu tỷ VND.

VN-Index ở phiên cuối tuần là **1.269,71** điểm (-5,43 điểm; **-0,43%**) và HNX-Index đóng cửa ở 227.69 điểm (-1,44 điểm; **-0,63%**) so với phiên cuối tuần trước.

Nguồn: HSX, HNX, GSO, TTTT tổng hợp

PHỤ LỤC
VĂN BẢN LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

I. VĂN BẢN BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
	1. Chính phủ, bộ ngành			
CP	Nghị quyết 255/NQ-CP của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 1157/NQ-UBTVQH15 ngày 28/8/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát chuyên đề về thực hiện chính sách, pháp luật về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập giai đoạn 2018 - 2023	31/12/2024	31/12/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html
CP	Nghị định 182/2024/NĐ-CP quy định thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư	31/12/2024	31/12/2024	
CP	Nghị định 178/2024/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	31/12/2024	01/01/2025	
CP	Nghị định 179/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội	31/12/2024	01/01/2025	
CP	Nghị định 177/2024/NĐ-CP chế độ đối với trường hợp không tái cử, tái bổ nhiệm và cán bộ thôi việc, nghỉ hưu theo nguyện vọng	31/12/2024	01/01/2025	
CP	Nghị định 180/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội	31/12/2024	Kể từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025	
TTCP	Quyết định 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và quản lý Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch	02/01/2025	02/01/2025	
TTCP	Quyết định 1689/QĐ-TTg 2024 bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương năm 2024 cho các địa phương	30/12/2024	30/12/2024	
NHNN	Thông tư 59/2024/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 12/2021/TT-NHNN ngày 30/7/2021 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mua, bán kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước	31/12/2024	15/03/2025	

BTC	Thông tư 97/2024/TT-BTC của Bộ Tài chính bãi bỏ Thông tư 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; bãi bỏ một số quy định tại Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 và Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	31/12/2024	15/02/2025	
-----	---	------------	------------	--

II. VĂN BẢN ĐANG DỰ THẢO

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Ngày hết hạn xin ý kiến	Nguồn
	2. Chính phủ, bộ ngành			
BTC	Dự thảo Thông tư hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị	03/01/2025		https://chinhphu.vn/du-thao-vbqppl
BNV	Dự thảo Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi)	30/12/2024		
BNV	Dự thảo về dự án Luật Tổ chức Chính phủ (sửa đổi)	30/12/2024		

TRUNG TÂM THÔNG TIN GIÁM SÁT TÀI CHÍNH QUỐC GIA